

MỘT VÀI KHÍA CẠNH VĂN HÓA - XÃ HỘI CỦA NÔNG THÔN QUA KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU XÃ HỘI HỌC

CHUNG Á*

Từ sau Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam trở lại đây, cùng với sự chuyển mình của đất nước, nông thôn Việt Nam đã có những thay đổi quan trọng. Sự nghiệp "Đổi mới" và chủ trương "Khoán 10" đã thổi một luồng gió mới lên toàn bộ nông thôn Việt Nam. Những người nông dân phấn khởi hơn, quyết tâm hơn trong lao động sản xuất nông nghiệp. Họ gắn bó hơn với ruộng đồng, họ đầu tư nhiều công sức, trí tuệ và tiền của hơn cho mảnh ruộng nhận khoán. Nông dân cảm thấy dễ chịu hơn trong bầu không khí dân chủ, tuy mới bước đầu và chưa hoàn toàn triệt để. Đời sống nông dân khá dần lên. Niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và chủ nghĩa xã hội được củng cố một bước.

Những vấn đề kinh tế - văn hóa - xã hội liên quan đến nông thôn, tác động trực tiếp đến nông dân, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, là những vấn đề hết sức toàn diện và rộng lớn. Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi chỉ đi sâu phân tích một vài khía cạnh về văn hóa - xã hội nông thôn, những khía cạnh ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, tư tưởng tình cảm, sản xuất và đến định hướng phát triển của nông dân. Những số liệu trong bài viết này là kết quả của các cuộc điều tra xã hội học về nông thôn mà Trung tâm Xã hội học - Tin học của Học viện Nguyễn Ái Quốc đã tiến hành ở Hải Hưng cũng như kết quả của các cuộc điều tra dân số, nghiên cứu về nông dân Hải Phòng, các công trình nghiên cứu về nông thôn và nông dân được tiến hành trong thời gian gần đây của một số cơ quan nghiên cứu khoa học khác.

1. Về đời sống vật chất của nông dân.

Khi nghiên cứu về nông thôn và nông dân, chúng tôi đặt mỗi quan tâm hàng đầu của mình vào việc tìm hiểu về đời sống vật chất và đời sống tinh thần của nông dân. Sở dĩ như vậy vì tất cả những vấn đề đó là kết quả của quá trình sản xuất nông nghiệp, là hệ quả của các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với nông dân.

Trước hết, chúng ta hãy nghe nông dân tự đánh giá về đời sống vật chất của gia đình mình.

Chúng tôi đã phỏng vấn 2.213 hộ nông dân của 4 huyện, 10 xã ở Hải Hưng bằng câu hỏi: "Xin ông (bà) vui lòng cho biết đời sống của gia đình ông (bà) hiện nay?" Kết quả như sau: có 26,75% tự nhận là thiếu thốn và rất thiếu thốn. Theo các điều tra viên thì đây là những hộ thật sự nghèo và rất nghèo. Tuy nhiên, có đến quá nửa số hộ (62,45%) tự nhận là bình thường, đó là những hộ không thiếu đói, nhưng nhà cửa cũng tuềnh toàng, đồ dùng gia đình ngoài giường, tủ, bộ bàn ghế và chiếc xe đạp, không còn thứ gì khác. Chúng tôi cũng liệt các hộ gia đình này thuộc diện nghèo. Như vậy, ước tính ở nông thôn hiện nay có từ 40-55% hộ có thể xếp vào diện nghèo. Ngoài ra 10,80% số hộ tự nhận là đầy đủ. So sánh với kết quả điều tra mẫu do Ban chỉ đạo trung ương của Hội đồng Bộ trưởng điều tra ở 5 tỉnh tiêu biểu cho các vùng lớn của cả nước¹, trong năm 1989 (bao gồm 7 huyện, 17 xã, 6.457 hộ) thì kết quả thu được ở Hải Hưng cũng gần tương tự như vậy.

*. Phó tiến sĩ, Giám đốc Trung tâm Xã hội học - Tin học, Học viện Nguyễn Ái Quốc.

¹. Bao gồm các tỉnh: Hoàng Liên Sơn, Hà Nam Ninh, Bình Định, Daklak và Cửu Long.

Bảng 1²:

Loại hộ	Hộ loại I	Hộ loại II	Hộ loại III	Hộ loại IV	Hộ loại V
Tỷ lệ(%)	8,06,	10,34	26,54	45,62	9,44

Trong đó:

- Hộ loại I (hộ giàu) : có mức thu nhập bình quân đầu nguồn tháng đạt 40.000 đ.
- Hộ loại II (hộ khá): thu nhập bình quân 30.000 - 40.000 đ/tháng/người.
- Hộ loại III (trung bình): 20.000 - 30.000 đ/tháng/người.
- Hộ loại IV (nghèo): 10.000 - 20.000 đ/tháng/người.

Hộ loại V (rất nghèo): dưới 10.000 đ/tháng/người.

Kết quả' trên cho thấy có 55,06% số hộ của 5 tỉnh điều tra thuộc diện hộ loại IV và V (hộ nghèo và rất nghèo) .

Để có cơ sở phân tích rõ hơn về đời sống nông dân, chúng ta tìm hiểu xem người nông dân đã sắm sửa được những đồ dùng gì trong gia đình của họ. Cuộc điều tra ở Hải Hưng cho thấy:

92,30%	hộ có từ 1-2 xe đạp,
4,94%	hộ có 3 xe đạp trở lên, 9,68% hộ có máy khâu, .
36,59%	hộ có loa truyền thanh, đài 16,73% hộ có tivi
1 80%	hộ có tủ lạnh,
10 34%	hộ có radio - cassette, 0,51% hộ có đầu video,
2,42%	hộ có xe cúp,
1,54%	hộ có xe máy (Môkic, Java), 0 26% hộ có xe công nông,
0,26%	hộ có xe ô tô riêng.

Đối chiếu với kết quả điều tra ở 5 tỉnh năm 1989 đã nêu trên, ta thấy: 79% hộ có bàn ghế,

87%	hộ có xe đạp,
3%	hộ có xe máy,
24%	hộ có máy thu thanh,
10%	hộ có máy khâu,
20%	hộ có đồng hồ để bàn hoặc treo tường.

Điều cần lưu ý ở đây là: *nông dân chỉ sắm nổi một số đồ dùng thông dụng, rẻ tiền, các đồ dùng cao cấp như xalông, tủ lạnh, tivi, xe máy chỉ một số ít gia đình có thu nhập khá mới sắm nổi.* Cũng như vậy, về công cụ sản xuất thì nếu 54,35% số hộ có máy tuốt lúa đạp chân, 56,85% số hộ có xe vận chuyển thô sơ thì chỉ có 4,45% hộ có máy xay xát và 2,64% số hộ có máy bơm nước loại nhỏ.

Rõ ràng, *nông thôn nước ta là một thị trường hết sức to lớn, nhưng là thị trường của đại đa số người nghèo, có sức mua thấp.* Vì vậy, Nhà nước và các nhà sản xuất, kinh doanh nên đầu tư nghiên cứu các chủng loại hàng phù hợp về nhu cầu, về giá cả, về chất lượng nhằm giúp nông dân trong sản xuất và đời sống.

Tuy nhìn chung nông dân còn nghèo, nhưng so với thời kỳ trước "khoán 10", đời sống của họ được từng

². "Những vấn đề kinh tế và đời sống qua ba cuộc điều tra nông nghiệp, công nghiệp, nhà ở", Nxb Thống kê, Hà Nội, 1991, tr.38.

bước nâng lên rõ rệt. Ở Hải Hưng, khi được hỏi: "So với năm 1989, năm nay (1990) đời sống của gia đình ông bà như thế nào 55,80% nông dân đánh giá có đời sống khá lên; 33,30% đánh giá vẫn như cũ và 12% kém đi. Cuộc điều tra 509 hộ ở Hải Phòng vào tháng 3 năm 1990 cho chúng ta kết quả tương tự. Đánh giá về mức sinh hoạt ăn, mặc của gia đình, có hơn 70% số hộ cho rằng hiện nay khá hơn trước³.

Về *tình hình nhà ở*: Tuy trong mấy năm qua nông dân đã làm thêm nhiều nhà mới, nhưng số nhà kiên cố mới chiếm có 52,20%, nhà bán kiên cố: 27,98% nhà tranh vách đất còn chiếm tới 39,82%. Như vậy hiện tại còn 67,80% số hộ ở nhà tạm. Các tỉnh đồng bằng phía Bắc có tỷ lệ nhà xây (43,93%) cao hơn các tỉnh đồng bằng miền Nam (20,15%). Trong khi ở Hà Nam Ninh có tỷ lệ nhà xây mái ngói là 69,68% thì Cửu Long mới đạt được 4,19%. Các tỉnh miền núi tuy về nhà xây gỗ lợp ngói mới đạt 23,51%, thấp hơn các tỉnh đồng bằng phía Bắc, nhưng diện tích bình quân một hộ đạt 56,32 m², cao hơn đồng bằng là 12,45 m² (4). Ngoài ra 89,05% số hộ ở nông thôn chưa được sử dụng năng lượng điện để thắp sáng và sinh hoạt.

Tóm lại, *do sản lượng lương thực không cao, đa số nông dân không có nguồn thu nào khác ngoài nông nghiệp, buộc họ phải bán lương thực để trang trải mọi khoản chi tiêu từ lớn đến nhỏ trong gia đình, điều đó thường dẫn đến tình trạng thiếu đói ở diện rộng vào các kỳ giáp hạt.*

2. Về đời sống tinh thần.

Ở nông thôn, người nông dân vẫn một nắng, hai sương. Tâm sức của họ dồn hết cho sản xuất nông nghiệp. Họ ít có điều kiện và thời gian để nâng cao đời sống văn hóa và tinh thần. Việc thực hiện khoán cho đến hộ nông dân, bên cạnh các cái được về sản xuất và đời sống vật chất cũng còn nhiều chuyện phải bàn, phải tiếp tục nghiên cứu trên lĩnh vực văn hóa - tinh thần. Trước hết, quỹ phúc lợi giảm sút, chi phí cho lĩnh vực văn hóa-thông tin bị cắt xén, và nhiều nơi bị xóa bỏ. Nhiều thư viện xã, huyện không có tiền mua thêm sách, báo, nên phải đóng cửa. Nhiều đội văn nghệ quần chúng bị tê liệt, nhiều nhà văn hóa do lấy thu bù chi nên phải đóng cửa. Các đoàn văn công do phải tự hạch toán nên ít dám về biểu diễn ở nông thôn. Hoạt động cổ động, truyền thanh ở cơ sở giảm sút nghiêm trọng.

Ở Hải Hưng, mỗi năm bình quân một nông dân được xem phim, xem video 5 lượt, xem văn công chuyên nghiệp 1 lượt, xem văn nghệ nghiệp dư 2 lượt. 41,62% nông dân có điều kiện xem báo, nghe đài, xem tivi thường xuyên, nhưng cũng có tới 49,98% nông dân thỉnh thoảng mới nghe hoặc xem. Còn trên phạm vi toàn quốc, nhìn chung nông thôn còn thiếu sách, báo, loa, đài nghiêm trọng. Số người ở nông thôn trong một năm không đọc sách báo là 62,28%, không một lần xem phim là 62,12%, không được xem biểu diễn nghệ thuật là 70,68%⁵. Nếu chỉ nhìn vào một vài ví dụ như vậy, chúng ta chưa thấy được toàn bộ sự *buông trôi và thả nổi* các hoạt động văn hoá, tinh thần ở nông thôn hiện nay. *Những hoạt động văn hóa có chỉ đạo giảm sút ở điều kiện tốt nhất cho các tệ nạn xã hội và hủ tục lạc hậu ở nông thôn phát triển.* Việc củng cố dòng họ, xây cất mồ mả, giỗ tổ, đòi lập lại nhà thờ, đình, chùa, miếu mạo, ăn uống xa hoa lãng phí, phô trương hình thức trong các đám cưới, đám tang đang có chiều hướng phát triển. Hiện tượng mê tín dị đoan, xem bói, xem số trở thành phổ biến và đã gây tác hại không nhỏ cho nhiều nhà và nhiều người.

Tìm hiểu nông dân Hải Hưng về các hủ tục lạc hậu và các tệ nạn xã hội ở địa phương chúng tôi thu được một số đánh giá như sau: 9,71% cho rằng cổ hủ hiện tượng cờ bạc phổ biến, 6,84% cho rằng có hiện tượng trộm cắp phổ biến, 19,36% đánh giá có hiện tượng ma chay, cưới xin tốn kém phổ biến...

Đối chiếu với kết quả điều tra nông dân Hải Phòng, chúng tôi thấy tình hình cũng tương tự:

³. Số liệu điều tra của đội Nông dân Hải Phòng, 19-3-1990.

⁴. Xem thêm: "Vấn đề nhà ở tại các đô thị và nông thôn" trong "Những vấn đề kinh tế và đời sống..." Nxb Thống kê, Hà Nội năm 1991, tr. 44.

⁵. Số liệu báo cáo của Ban chỉ đạo điều tra trung ương của Hội đồng bộ trưởng, tháng 8-1990.

Bảng 3:

độ	Mức	Tăng hơn	Giảm hơn	Như cũ	Khó trả lời
	Rượu chè, cờ bạc, số đề	78,50	12,50	7,75	1,25
	Mê tín dị đoan	71,90	14,10	12,25	1,65
	Ma chay, cưới xin tốn kém	74,40	14,40	10,90	10,30
	Tâm thức	51,88	28,10	8,30	1,90

Như vậy, tất cả các tệ nạn và hủ tục lạc hậu được nêu trên dù là "phổ biến" hay "có nhưng không đáng kể" theo cách nhìn nhận của người nông dân, đều biểu hiện với cường độ mạnh (từ 89 đến 95%) và đều tăng hơn trước đây (từ 51,8% đến 78,5% đánh giá). Trong đó, các tệ nạn hủ tục *rượu chè, cờ bạc* (và *ma chay, cưới xin tốn kém*/ được nhiều người quan tâm đến nhất. ở đây, cần nhấn mạnh thêm là : "*việc nhậu*" ngày nay đã trở thành "*truyền thống*" ở các tỉnh Nam Bộ, đặc biệt là ở đồng bằng sông Cửu Long. Theo những kết quả nghiên cứu gần đây, đại đa số người tham gia lại thuộc lứa tuổi thanh niên. Bình quân mỗi lần nhậu, mỗi người uống từ 1 đến 1,5 lít rượu Theo những quan sát ở đồng bằng sông Cửu Long, đối với nam giới, mỗi tuần tham gia tới 3 lần nhậu. Thói quen nhậu nhẹt đó phải chăng có nguyên nhân từ sự nghèo nàn của hoạt động văn hóa, tinh thần ở nông thôn chúng ta hiện nay?

3. Về sự nghiệp giáo dục ở nông thôn.

Sự nghiệp giáo dục ở nông thôn tuy có được quan tâm, nhưng đang xuống cấp nghiêm trọng.

Tỷ lệ trẻ em đi nhà trẻ so với tổng số trẻ em thuộc diện đi nhà trẻ năm 1989 chỉ đạt 11,24%. Tỷ lệ trẻ em đi mẫu giáo so với tổng số trẻ em thuộc lứa tuổi đi mẫu giáo chỉ đạt 29,05%. Tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp 2 từ 20% - 25%, bỏ học cấp 3 từ 12% - 15%. Riêng tại Hải Hưng có 41,86% số gia đình nông dân có con trong độ tuổi cấp 1, cấp 2 bỏ học. Có tới 5,5% số gia đình có từ 3 con trở lên bỏ học. Theo kết quả điều tra dân số năm 1989, tình hình đi học phổ thông của dân số nông thôn từ 5 tuổi trở lên phân chia như sau (xem Bảng 4 - với độ tuổi 10 đến 14 tuổi).

Bảng 4:

Số lượng và tỷ lệ	Các dạng	Tổng số	Đang đi học	Đã thôi học	Chưa bao giờ đến trường
Số lượng		6.135.442	4.567.927	1.061.400	489.909
%		100	74	17,28	8,72

Như vậy, trong tổng số và trong từng độ tuổi, có từ 8% đến 10% con em nông dân chưa bao giờ đến trường, có khoảng 20% học sinh trong độ tuổi đi học đã thôi học. Tình hình đó dẫn đến hiện tượng mù chữ và tái mù chữ ngày càng tăng lên. Qua điều tra 13 tỉnh, có 15,96% những người từ 15 tuổi trở lên mù chữ. Trong đó các tỉnh phía Bắc là 14,41%, các tỉnh phía Nam là 17,08% Cửu Long là 42,75%. Sở dĩ như vậy có thể do các nguyên nhân sau đây:

- Trên 50% nông dân thuộc diện nghèo khổ, gặp nhiều khó khăn, nên nhiều gia đình không đủ khả năng cho con đi học.

- Cơ sở vật chất của ngành giáo dục còn thiếu thốn. Dời sống giáo viên đang gặp nhiều khó khăn do chính sách lương hiện nay bất hợp lý, nên chất lượng giáo dục giảm sút nghiêm trọng. - Về mặt tâm lý xã hội, nhiều hộ gia đình nông dân cho rằng việc học tập của con em mình cũng không giúp ích gì nhiều cho tương lai của chúng: Vì vậy chỉ cần học hết cấp 1 hoặc học đến một trình độ nhất định nào đó, rui ở nhà tham gia lao động, tăng thu nhập cho gia đình. - Đất nước thiếu chính sách trọng nhân tài, nên không tạo được động lực thúc đẩy

việc thi đua học tập trong học sinh, nhất là học sinh nông thôn. Tư tưởng trung bình chủ nghĩa đang trở thành phổ biến trong học sinh.

4. Vấn đề dân số, y tế và bảo vệ sức khỏe của nhân dân.

a) Về vấn đề dân số.

Những nỗ lực của Nhà nước ta nhằm giảm tỷ lệ phát triển dân số tuy bước đầu đã thu được một số kết quả đáng chú ý, nhưng tốc độ phát triển dân số ở nông thôn vẫn đang ở tình trạng báo động. Tỷ lệ phát triển dân số theo cuộc điều tra dân số năm 1989 vẫn ở mức 2,1%. Điều đáng nói ở đây là khi được hỏi về chủ trương kế hoạch hóa gia đình, mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có từ 1 đến 2 con, thì hầu hết mọi người đều tán thành (88,70% nông dân Hải Hưng tán thành). Nhưng chỉ báo 88,70% chưa nói lên được thực trạng hiện nay. Chúng tôi đã khảo sát về số lượng con trong các gia đình nông dân và thu được kết quả đáng quan tâm.

Số hộ có từ 1-2 con chiếm 29,67%

Số hộ có từ 3 đến 4 con chiếm 49,35%

Số hộ có từ 5 con trở lên chiếm 20,98%.

Như vậy, số hộ có từ 3 con trở lên chiếm tới 70,33%. Theo số liệu điều tra dân số năm 1989 thì số con đã sinh trung bình của một phụ nữ chia theo nhóm tuổi người mẹ ở nông thôn như sau (xem Bảng 5).

Bảng 5:

Nhóm tuổi người mẹ	số con bình chung toàn quốc	Số con khu vực nông thôn
15-19	0,1	0,1
20-24	0,7	0,7
25-29	1,7	1,9
30-34	2,8	3,0
35-39	3,6	3,9
40-44	4,4	4,6
45-49	4,9	5,1

Theo chúng tôi, những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng trên là:

Nhìn chung trình độ dân trí của chúng ta còn ở mức thấp. Quan niệm "trời sinh voi, trời sinh chó" từ ngàn đời nay vẫn ngự trị trong nông dân. Quan niệm này chỉ bị xóa bỏ khi trình độ dân trí được nâng cao và những mối quan hệ về kinh tế, về xã hội, về dòng họ theo sự phát triển của xã hội thay đổi.

Cơ cấu tổ chức lao động ở nông thôn thúc đẩy tâm lý "nên đẻ nhiều con". Có con tức là có nhiều lao động, là khổ trước mắt nhưng sướng lâu dài.

- Việc chậm thực thi việc bảo hiểm xã hội ở nông thôn (lấy trọng tâm là bảo hiểm sản xuất nông nghiệp và bảo hiểm cho công dân) buộc người nông dân phải tự tìm sự bảo hiểm cho bản thân mình (đặc biệt là bảo hiểm khi tuổi già) bằng cách đẻ nhiều con.

- Tâm lý phong kiến về dòng họ, về nối dõi tông đường cộng với quan điểm thừa kế theo kiểu nông dân khiến cho nhiều cặp vợ chồng đã sinh hai con gái tiếp tục cố gắng cho đến khi đẻ được một con trai.

b) Về tình hình y tế và sức khỏe nông dân.

Cùng với việc nâng cao thu nhập của nông dân, công tác y tế và việc bảo vệ sức khỏe của nông dân cũng có những tiến bộ đáng kể. Mạng lưới y tế đã cố gắng khắc phục về cơ bản các dịch bệnh lây lan, các bệnh truyền nhiễm, bệnh xã hội. Số bác sĩ trên một vạn dân tăng từ 1,9 (1980) lên 4,5 bác sĩ (1989). Bình quân mỗi xã có một trạm y tế và ba nhân viên phục vụ. Tuy vậy, do khó khăn về kinh phí nên có 34,63% số trạm y tế không

đảm bảo tốt việc khám chữa bệnh cho dân, 40,24% bệnh nhân thiếu thuốc chữa bệnh. Mặt khác, do đời sống của bản thân đội ngũ nhân viên y tế hết sức khó khăn đã góp phần làm cho những tiêu cực trong ngành y tế trở nên nghiêm trọng. Chất lượng chữa và điều trị bệnh giảm sút, hệ thống y tế từ trạm xá, bệnh viện huyện, tỉnh, trung ương xuống cấp nghiêm trọng. Niềm tin của dân vào hệ thống y tế giảm sút. Bên cạnh đó, theo điều tra của chúng tôi, do mức sống thấp, cơ cấu bữa ăn của nông dân chủ yếu là chất bột, rất thiếu đạm, lao động lại nặng nhọc, nên nhìn chung trẻ em nông thôn suy dinh dưỡng. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng ở nông thôn lên tới 35,96%.

Một trong những vấn đề ảnh hưởng lớn đến việc bảo vệ sức khỏe cho nông dân là từng bước xóa bỏ những tập quán mất vệ sinh. Cho đến nay, ở đồng bằng sông Cửu Long còn tới 45% dân cư không uống nước đun sôi. Trong cả nước còn tới 56,54% nông dân dùng nguồn nước chưa hợp vệ sinh để ăn uống và sinh hoạt. Hiện vẫn còn trên 35% số hộ nông dân trong cả nước chưa có nhà vệ sinh; đặc biệt ở An Giang, tỷ lệ này là 80,29%.

5. Thay lời kết.

Những vấn đề nêu trên về mặt văn hóa - xã hội ở nông thôn mới là một phần của hiện thực.

Phần hiện thực đó lại tập trung nhiều vào mặt tiêu cực, mặt hạn chế hơn là những mặt tích cực, những mặt khẳng định. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến bức tranh văn hóa - xã hội ở nông thôn như trên. Theo chúng tôi, những nguyên nhân chính là:

- Chúng ta mới tập trung giải quyết vấn đề kinh tế ở nông thôn mà coi nhẹ những vấn đề văn hóa - xã hội đặc biệt ngay cả trong vấn đề kinh tế, chúng ta cũng không chú trọng đúng mức *nhân tố con người*, vốn là nhân tố bao trùm, nhân tố chủ đạo trong mọi hoạt động của xã hội.

- Khi chuyển qua nền kinh tế nhiều thành phần, chống và xóa bỏ bao cấp trên các lĩnh vực kinh tế và đời sống, chúng ta đã chậm tìm ra *phương án thay thế* để duy trì và đẩy mạnh các hoạt động trên lĩnh vực văn hóa - xã hội. Tình hình đó làm cho lĩnh vực này vốn dĩ xưa nay đã ít được quan tâm đầu tư thích đáng, nay phải đứng trước những thử thách sống còn.

- Hệ thống chính trị ở nông thôn chậm đổi mới, không theo kịp với những chuyển động của hoạt động kinh tế. Các tổ chức chính trị như Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Nông hội hoạt động ngày càng rời rạc, không còn sức thu hút đối với quần chúng. Sự hài lòng của nông dân đối với các cán bộ lãnh đạo địa phương không cao.

- Ở nông thôn, đang trong quá trình chuyển đổi hệ thống chuẩn mực giá trị, đặc biệt những chuẩn mực về mặt tinh thần. Chiều hướng chuyển đổi cần được nghiên cứu sâu hơn, kỹ hơn và nhanh chóng đi đến những kết luận chuẩn xác. Mọi quan tâm hàng đầu của nông dân là thâm canh tăng sản (80,78%). Sự quan tâm đến những vấn đề tinh thần, đến các vấn đề chính trị ở cường độ rất thấp, đáng báo động. Họ ít quan tâm đến những vấn đề gia nhập các hội quần chúng (7,71%).

- Trong quá trình đổi mới ở nông thôn, chúng ta đã vấp phải những trở ngại mà nhiều khi dẫn đến sự thất bại là do chúng ta đã không đánh giá chúng một cách đúng mức. Quá trình dân chủ hóa ở nông thôn bị đầu óc gia trưởng kìm hãm. Đầu óc gia trưởng này nhiều khi lại rất nặng nề trong chính một số cán bộ của Đảng, chính quyền... Ở các cấp, những người có vai trò quan trọng trong quá trình dân chủ hóa. Hàng loạt vấn đề có tính mâu thuẫn cần sớm được làm sáng tỏ như giữa cách tân và truyền thống, giữa khoa học và kinh nghiệm, giữa giao lưu cởi mở và tù túng...

- Nhân tố cán bộ lãnh đạo và quản lý nông thôn đang là vấn đề cần được quan tâm một cách đúng mức. Đã đến lúc chúng ta phải tổ chức lại việc đào tạo từ cán bộ Đảng, chính quyền, quản lý kinh tế, hoạt động xã hội ở nông thôn theo một quy trình mới nhằm đạt được: giới chuyên môn, tinh thông nghiệp vụ, năng động, trung thực. . . Đội ngũ cán bộ là nhân tố quyết định cho sự thành bại của mọi kế hoạch phát triển kinh tế văn hóa - xã hội ở nông thôn hiện nay.